



HƯỚNG DẪN GIAO DỊCH PHÁI SINH TRÊN ỨNG DỤNG DI ĐỘNG KB – MobileDS

MỤC LỤC

1. Giới thiệu	3
1.1. Mục đích	3
1.2. Khái niệm, thuật ngữ, từ viết tắt.....	3
2. Tổng quan giao diện	3
2.1. Mobile (IOS + Android).....	3
2.1.1. Đăng nhập hệ thống.....	3
2.1.2. Giao diện màn hình chính	5
2.2. Chi tiết các Chức năng/Tiện ích	10
2.2.1. Tài khoản	10
2.2.2. Tiện ích	12
2.2.3. Số dư.....	25
2.2.4. Thị trường	29
2.2.5. Giao dịch	36

1. Giới thiệu

1.1. Mục đích

Tài liệu này mô tả các chức năng mobile trading của khách hàng

1.2. Khái niệm, thuật ngữ, từ viết tắt

Từ viết tắt	Giải thích/Từ viết đầy đủ
CTCK	Công ty chứng khoán
CCP	Central Counterparty Clearing House
CK	Chứng khoán
GT	Giá trị
GD	Giao dịch
KH	Khách hàng
HĐTL	Hợp đồng tương lai
TKGD	Tài khoản giao dịch
TKKQ	Tài khoản ký quỹ

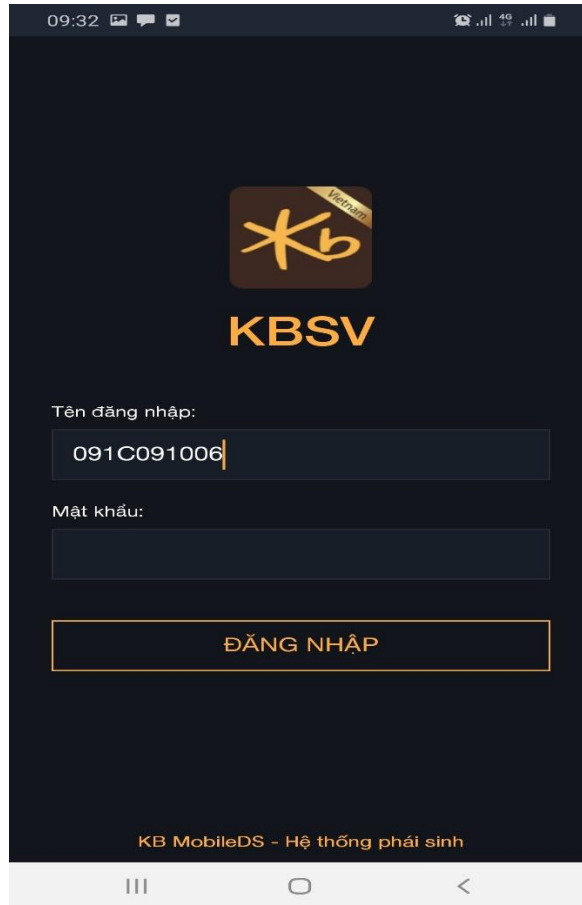
2. Tổng quan giao diện

2.1. Mobile (IOS + Android)

2.1.1. Đăng nhập hệ thống

Truy nhập vào màn hình đăng nhập hệ thống:

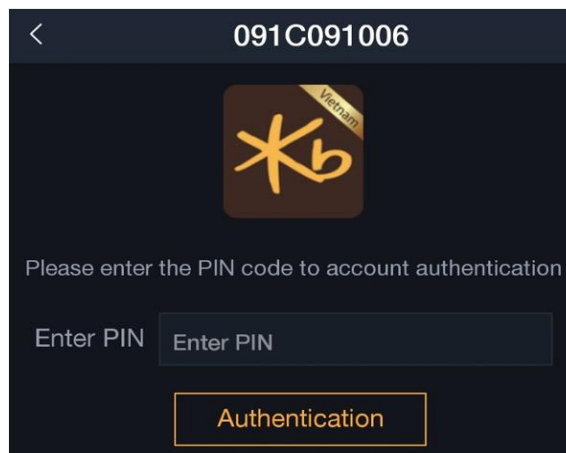
[>> Quay về đầu trang](#)



Nhập thông tin:

- Tên đăng nhập: Tài khoản ký quỹ của khách hàng
- Mật khẩu đăng nhập: Mật khẩu đăng nhập của khách hàng.
- Sau khi nhập đúng Tên đăng nhập và Mật khẩu, Nhấn nút Đăng nhập.

Hiện thị màn hình xác thực PIN/OTP:

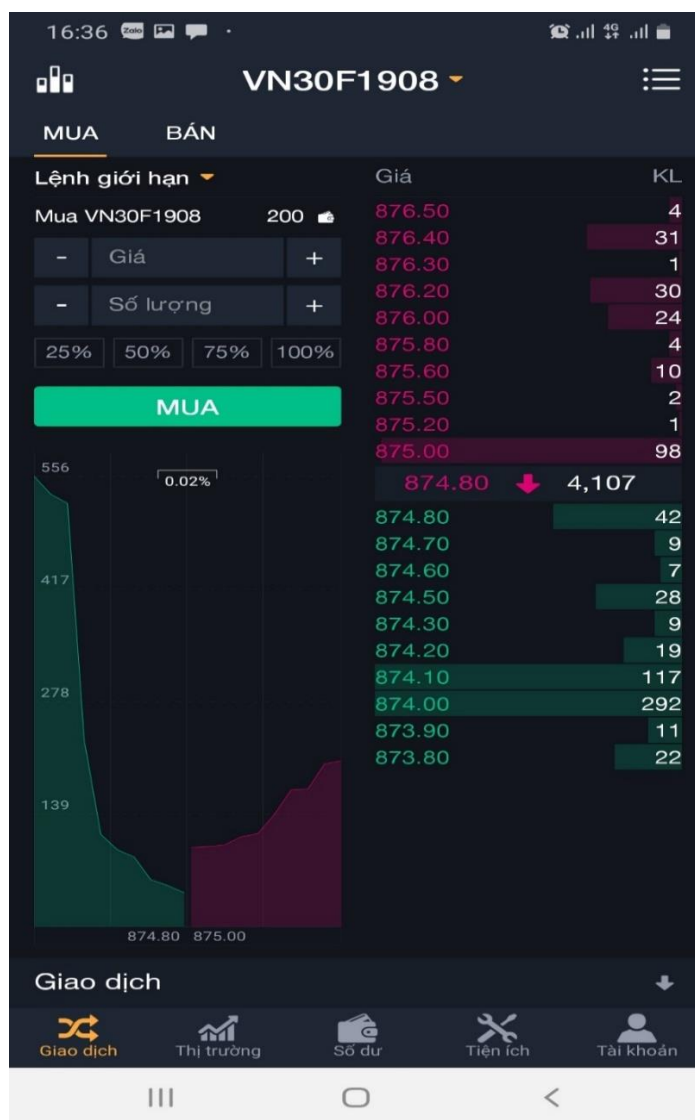


[>> Quay về đầu trang](#)

Nhập đúng mã xác thực được gửi về số điện thoại đăng kí nhận OTP. Nhấn **Xác thực** để hoàn tất đăng nhập.

2.1.2. Giao diện màn hình chính

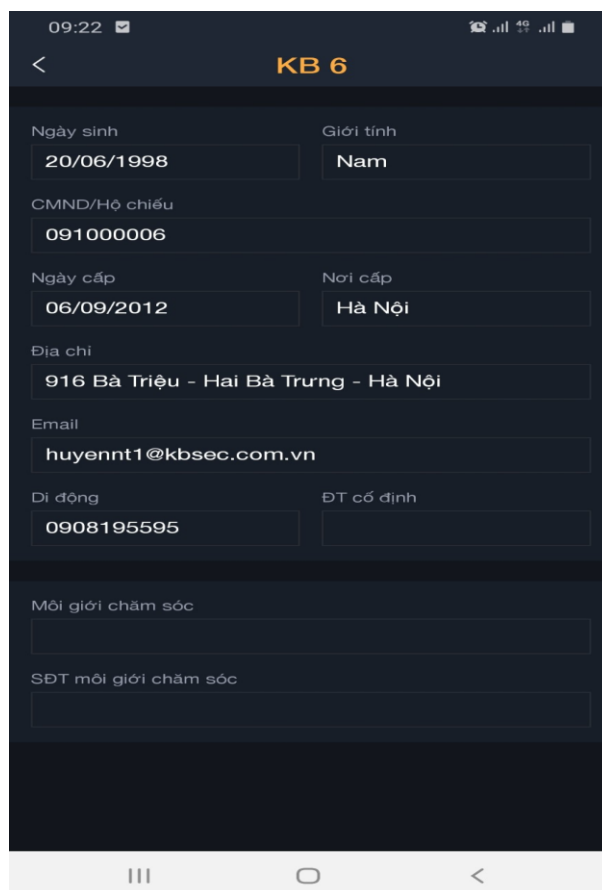
Sau khi đăng nhập thành công, giao diện hiển thị màn hình chính sau:



Giao diện gồm 5 thành phần chính:

- Tài khoản: bao gồm: thông tin cá nhân của khách hàng, chức năng thay đổi tiểu khoản, lựa chọn ngôn ngữ (Tiếng Anh, Tiếng Việt), giới thiệu, điều khoản và đăng xuất tài khoản.

[>> Quay về đầu trang](#)



09:22 KB 6

Ngày sinh: 20/06/1998 Giới tính: Nam

CMND/Hộ chiếu: 091000006

Ngày cấp: 06/09/2012 Nơi cấp: Hà Nội

Địa chỉ: 916 Bà Triệu - Hai Bà Trưng - Hà Nội

Email: huyennt1@kbsec.com.vn

Di động: 0908195595 ĐT cố định:

Môi giới chăm sóc:

SĐT môi giới chăm sóc:

- Tiện ích: Thực hiện các chức năng nộp rút tiền vào tài khoản giao dịch phái sinh (Nộp tiền từ cơ sở sang phái sinh/Rút tiền từ phái sinh về cơ sở); chức năng nộp rút tiền Tài khoản ký quỹ (CCP) (Nộp tiền vào TTKQ từ tài khoản giao dịch phái sinh, Rút tiền từ TTKQ về tài khoản giao dịch phái sinh)



16:36 Tiện ích

TÀI KHOẢN GIAO DỊCH

- Nộp tiền >
- Rút tiền >
- Lịch sử giao dịch >

TÀI KHOẢN KÝ QUỸ

- Nộp tiền TTKQ >
- Rút tiền TTKQ >
- Lịch sử giao dịch TTKQ >

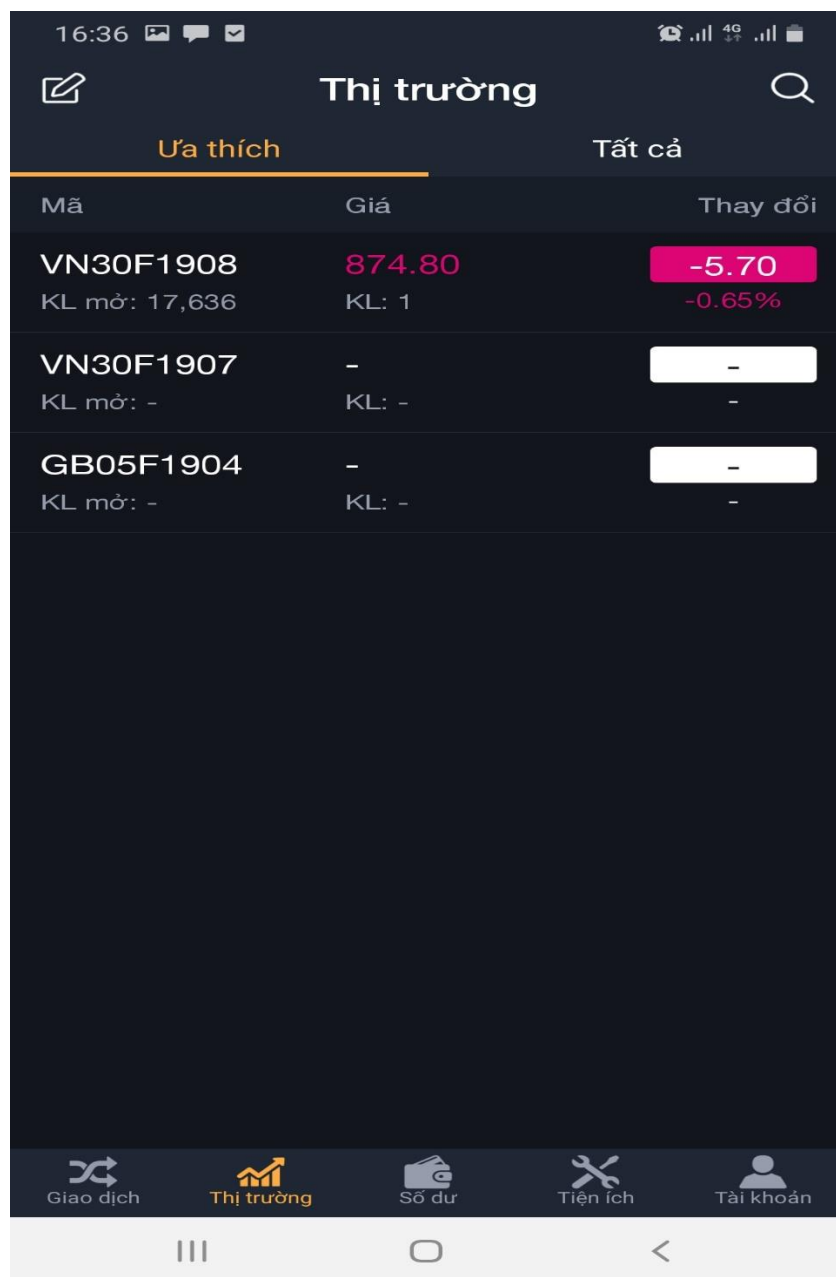
[>> Quay về đầu trang](#)

- Số dư: tra cứu thông tin về tài khoản (tiền, nghĩa vụ), vị thế đang mở, vị thế đã đóng

Số dư	
Tài khoản	Vị thế mở
Giá trị tài sản hợp lệ	
	3,615,713,843
-Tiền tại CTCK:	21,543,818,364
-Tiền chờ ký quỹ:	11,290,907
-Tiền tại CCP:	3,504,692,093
-Tiền ký quỹ chờ rút:	1,000,000
-Chứng khoán ký quỹ:	111,021,750 
-Tỷ lệ tiền mặt trong tài sản KQ:	80%
Tổng nghĩa vụ ký quỹ duy trì	
	576,888,000
-Nghĩa vụ ký quỹ ban đầu:	576,888,000
-Lãi/Lỗ trong ngày:	155,620,000
-Nghĩa vụ ký quỹ chuyển giao:	0
Tỷ lệ thực tế TTKQ	
	15.96%
Sức mua cơ bản	
	2,315,683,074
Sức bán cơ bản	
	2,315,683,074
Tổng giá trị phí	
	4,066,245
-Phí vị thế cộng dồn:	0
-Phí vị thế đến hạn:	0
-Phí giao dịch trong ngày:	642,000
-Thuế TNCN:	1,733,911
 Giao dịch	 Thị trường
 Số dư	 Tiện ích
	 Tài khoản

[>> Quay về đầu trang](#)

- Thị trường: tra cứu thông tin các mã đang giao dịch trên thị trường (giá, KL đang khớp, thay đổi và % thay đổi giá), có thể tìm kiếm mã, thêm/bỏ mã vào danh mục chứng khoán yêu thích



Mã	Giá	Thay đổi
VN30F1908 KL mở: 17,636	874.80 KL: 1	-5.70 -0.65%
VN30F1907 KL mở: -	- KL: -	- -
GB05F1904 KL mở: -	- KL: -	- -

[>> Quay về đầu trang](#)

- Giao dịch: thể hiện thông tin top 10 giá mua/bán tốt nhất, lịch sử khớp lệnh, đồ thị deep và vùng đặt lệnh (lệnh giới hạn, lệnh thị trường, lệnh điều kiện)



[>> Quay về đầu trang](#)

2.2. Chi tiết các Chức năng/Tiện ích

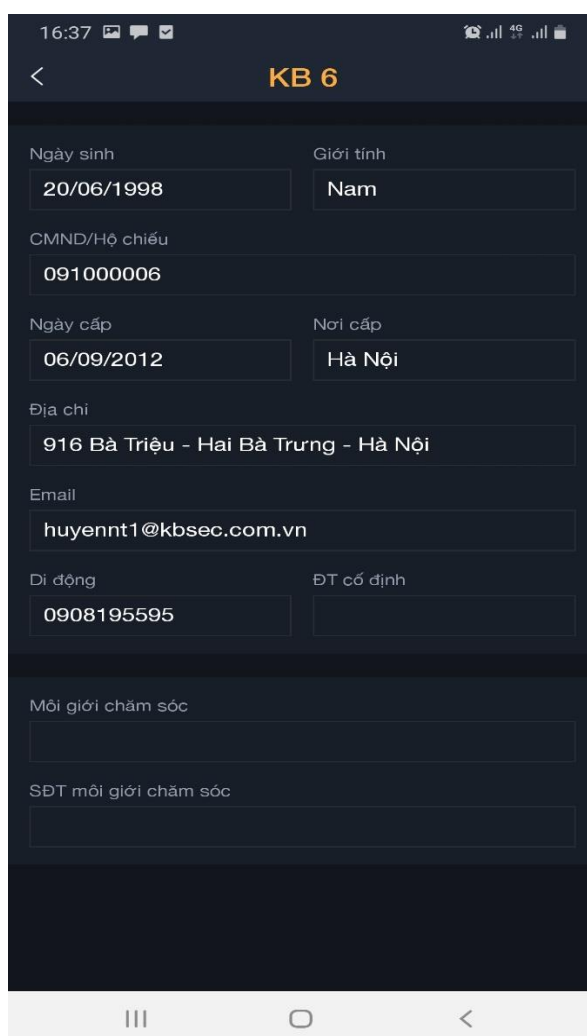
2.2.1. Tài khoản

Tab tài khoản bao gồm các thông tin:

- Thông tin cá nhân
- Đổi tiền khoản
- Ngôn ngữ
- Giới thiệu
- Điều khoản
- Đăng xuất

2.2.1.1. Thông tin cá nhân

Nhấn  **Thông tin cá nhân**. Hiện thị màn hình chi tiết thông tin khách hàng:



16:37 KB 6

Ngày sinh: 20/06/1998

Giới tính: Nam

CMND/Hộ chiếu: 091000006

Ngày cấp: 06/09/2012

Nơi cấp: Hà Nội

Địa chỉ: 916 Bà Triệu - Hai Bà Trưng - Hà Nội

Email: huyennt1@kbsec.com.vn

Di động: 0908195595

ĐT cố định:

Môi giới chăm sóc:

SĐT môi giới chăm sóc:

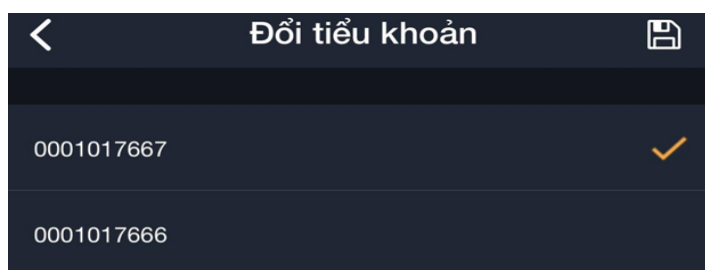
[>> Quay về đầu trang](#)

- Ngày sinh: Ngày sinh khách hàng.
- Giới tính: Giới tính khách hàng.
- CMND/Passport: Số CMND/Hộ chiếu khách hàng.
- Ngày cấp: Ngày cấp CMND.
- Nơi cấp: Nơi cấp CMND.
- Địa chỉ: Địa chỉ khách hàng.
- Email: Email khách hàng.
- Di động: Số điện thoại di động khách hàng.
- ĐT cố định: Số điện thoại cố định khách hàng.
- Chăm sóc bởi: môi giới chăm sóc khách hàng.
- SĐT môi giới chăm sóc: Số điện thoại môi giới chăm sóc khách hàng.

2.2.1.2. Đổi tiểu khoản

Nhấn  **Đổi tiểu khoản** .

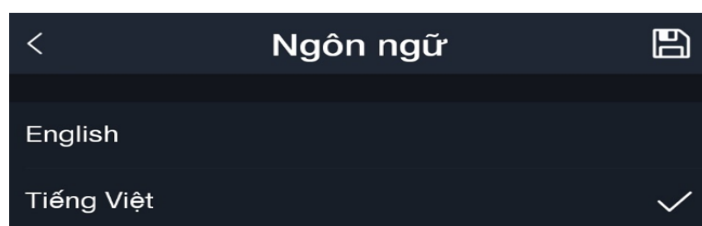
Hiện thị màn hình cho phép chuyển sang tiểu khoản giao dịch khác:



2.2.1.3. Ngôn ngữ

Nhấn  **Ngôn ngữ**

Hiện thị màn hình cho phép thay đổi ngôn ngữ



[>> Quay về đầu trang](#)

2.2.1.4. Giới thiệu

Nhấn  Giới thiệu

Chuyển đến trang web giới thiệu sản phẩm phái sinh.

2.2.1.5. Điều khoản

Nhấn  Điều khoản

Chuyển tới trang web các điều khoản phái sinh.

2.2.1.6. Đăng xuất

Nhấn  Đăng xuất

Đăng xuất khỏi hệ thống.

2.2.2. Tiện ích

Tab Tiện ích bao gồm các chức năng:

- Nộp tiền vào tài khoản giao dịch phái sinh.
- Rút tiền từ tài khoản giao dịch phái sinh.
- Lịch sử giao dịch.
- Nộp tiền TTKQ (CCP).
- Rút tiền TTKQ (CCP)
- Lịch sử giao dịch TTKQ.

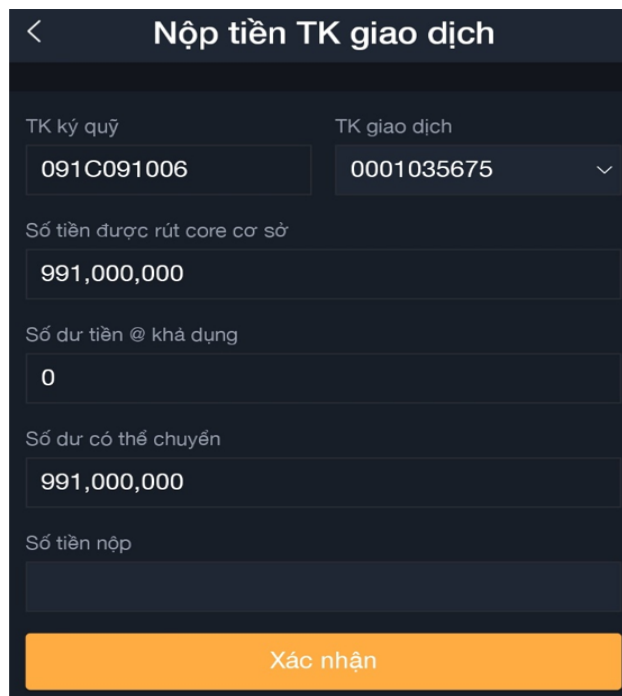
Tiện ích		
TÀI KHOẢN GIAO DỊCH		
	Nộp tiền	>
	Rút tiền	>
	Lịch sử giao dịch	>
TÀI KHOẢN KÝ QUỸ		
	Nộp tiền TTKQ	>
	Rút tiền TTKQ	>
	Lịch sử giao dịch TTKQ	>

[>> Quay về đầu trang](#)

2.2.2.1. Nộp tiền vào tài khoản giao dịch phái sinh

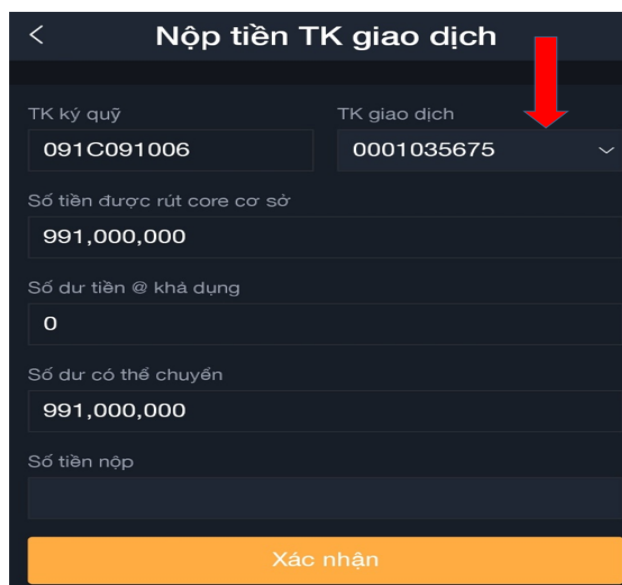
Nhấn  Nộp tiền

Hiển thị màn hình nộp tiền vào tài khoản giao dịch phái sinh



Mô tả: Khách hàng chuyển tiền từ tài khoản giao dịch chứng khoán thông thường sang tài khoản giao dịch phái sinh để dùng cho các mục đích khác nhau như: ký quỹ, thanh toán VM, thanh toán phí GD...

Bước 1. Chọn TKGD cần nộp tiền từ combobox.



[>> Quay về đầu trang](#)

Bước 2. Nhập số tiền nộp.

Lưu ý: Số tiền nộp phải nhỏ hơn hoặc bằng Số tiền được rút core cơ sở.

Bước 3.

- Nhấn vào nút **Xác nhận** để thực hiện nộp tiền. => Hiện thị thông báo "Nộp tiền TK giao dịch thành công!"

Nộp tiền TK giao dịch thành công

2.2.2.2. Rút tiền từ tài khoản giao dịch phái sinh

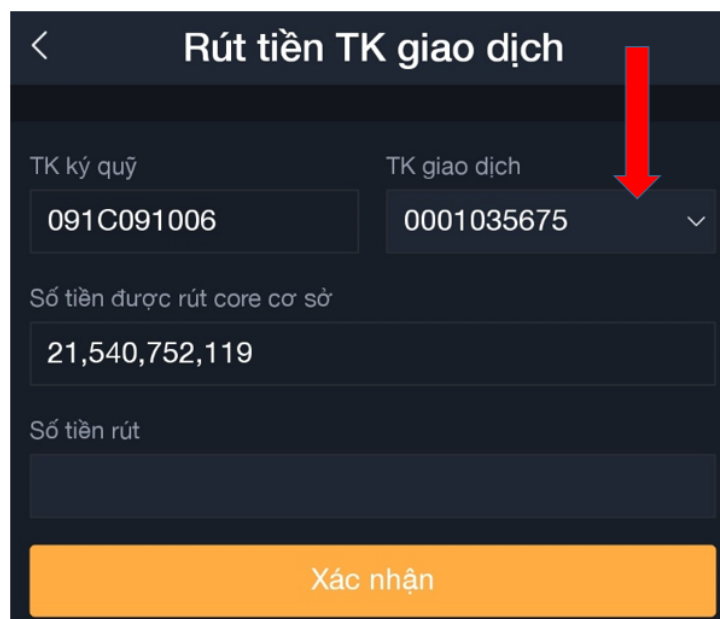
Nhấn Rút tiền

Hiện thị màn hình rút tiền từ tài khoản giao dịch phái sinh:

[>> Quay về đầu trang](#)

Mô tả: Trường hợp khách hàng muốn chuyển tiền từ core FDS sang core chứng khoán cơ sở, thực hiện giao dịch "Rút tiền từ tài khoản giao dịch phái sinh"

Bước 1. Chọn TKGD cần rút tiền từ combobox.



Rút tiền TK giao dịch

TK ký quỹ: 091C091006

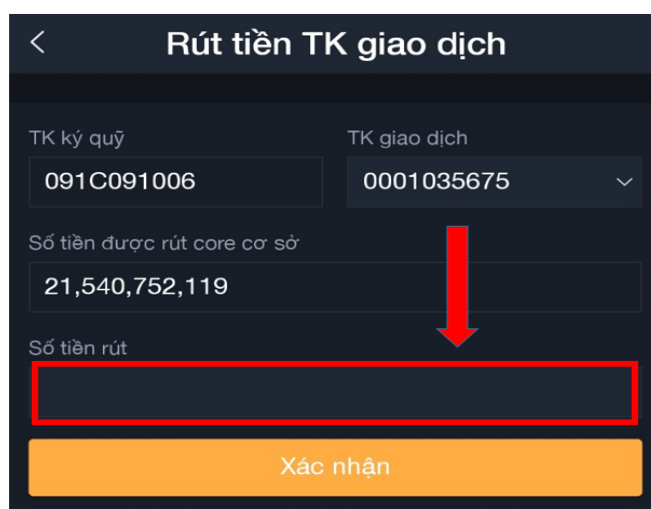
TK giao dịch: 0001035675

Số tiền được rút core cơ sở: 21,540,752,119

Số tiền rút:

Xác nhận

Bước 2. Nhập số tiền rút.



Rút tiền TK giao dịch

TK ký quỹ: 091C091006

TK giao dịch: 0001035675

Số tiền được rút core cơ sở: 21,540,752,119

Số tiền rút:

Xác nhận

Lưu ý: Số tiền rút phải nhỏ hơn hoặc bằng Số tiền được tối đa được rút.

Bước 3.

Nhấn vào nút **Xác nhận** để thực hiện rút tiền. => Hiện thị thông báo "Rút tiền TK giao dịch thành công!"

Rút tiền TK giao dịch thành công

[>> Quay về đầu trang](#)

2.2.2.3. Lịch sử giao dịch tài khoản giao dịch phái sinh

Nhấn  Lịch sử giao dịch

Hiển thị màn hình lịch sử rút tiền từ tài khoản giao dịch phái sinh:

Lịch sử giao dịch	
Nộp tiền vào tài khoản giao dịch phái sinh	
18/07/2019 10:52:47	+100,000,000
TK: 0001035675	
Hoàn tất	
Rút tiền từ tài khoản giao dịch phái sinh	
18/07/2019 11:17:13	-1,000,000
TK: 0001035675	
Hoàn tất	
Nộp tiền vào tài khoản giao dịch phái sinh	
22/07/2019 15:56:56	+10,000,000
TK: 0001035675	
Hoàn tất	

2.2.2.4. Nộp tiền vào tài khoản ký quỹ (CCP)

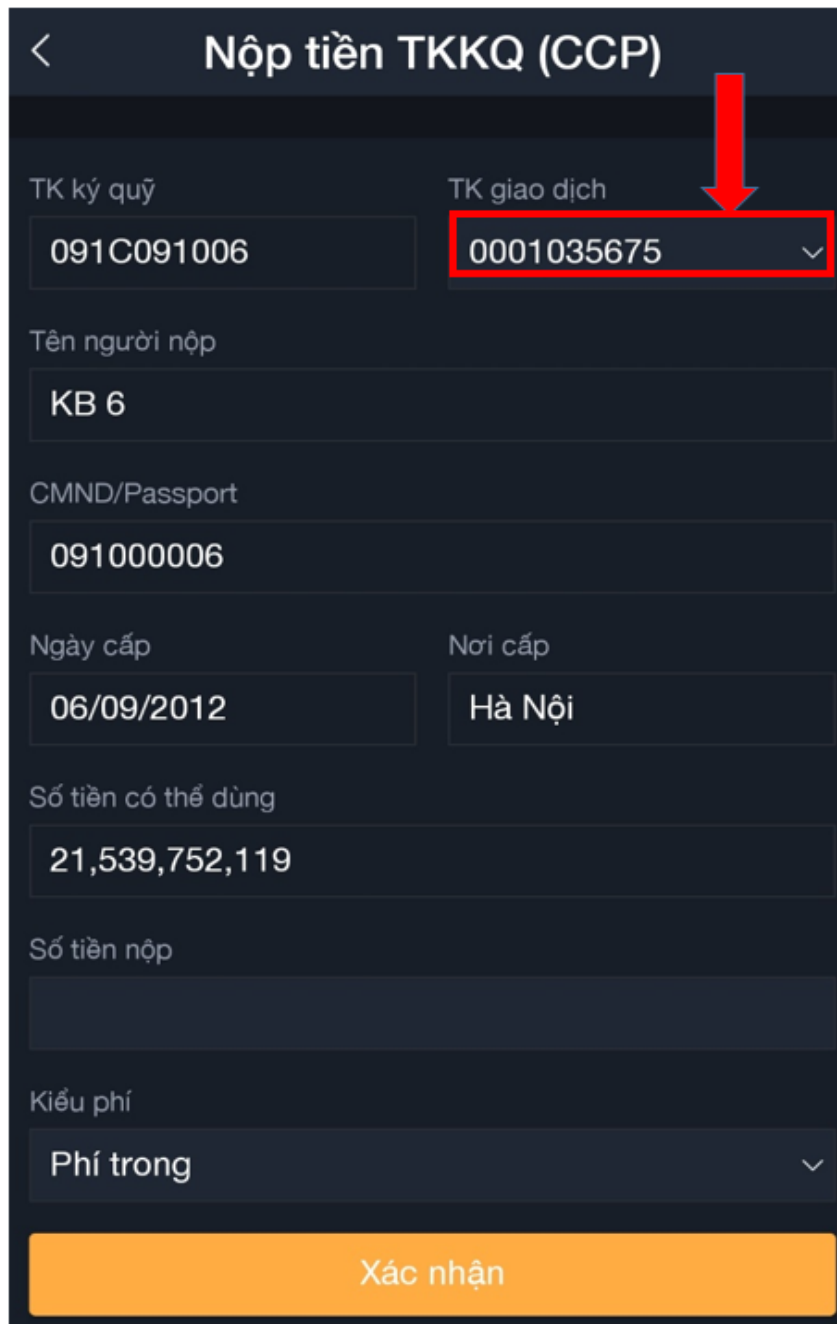
Nhấn  Nộp tiền TTKQ

Hiển thị màn hình nộp tiền vào tài khoản ký quỹ:

Mô tả: Khách hàng yêu cầu nộp ký quỹ yêu cầu/duy trì bằng tiền vào tài khoản ký quỹ do CCP quản lý.

[>> Quay về đầu trang](#)

Bước 1. Chọn TKGD cần nộp tiền từ combobox.



< Nộp tiền TKKQ (CCP)

TK ký quỹ: 091C091006

TK giao dịch: 0001035675

Tên người nộp: KB 6

CMND/Passport: 091000006

Ngày cấp: 06/09/2012

Nơi cấp: Hà Nội

Số tiền có thể dùng: 21,539,752,119

Số tiền nộp:

Kiểu phí: Phí trong

Xác nhận

[>> Quay về đầu trang](#)

Bước 2. Nhập số tiền nộp.

<

Nộp tiền TKKQ (CCP)

TK ký quỹ

TK giao dịch

091C091006

0001035675

Tên người nộp

KB 6

CMND/Passport

091000006

Ngày cấp

Nơi cấp

06/09/2012

Hà Nội

Số tiền có thể dùng

21,539,752,119

Số tiền nộp

Kiểu phí

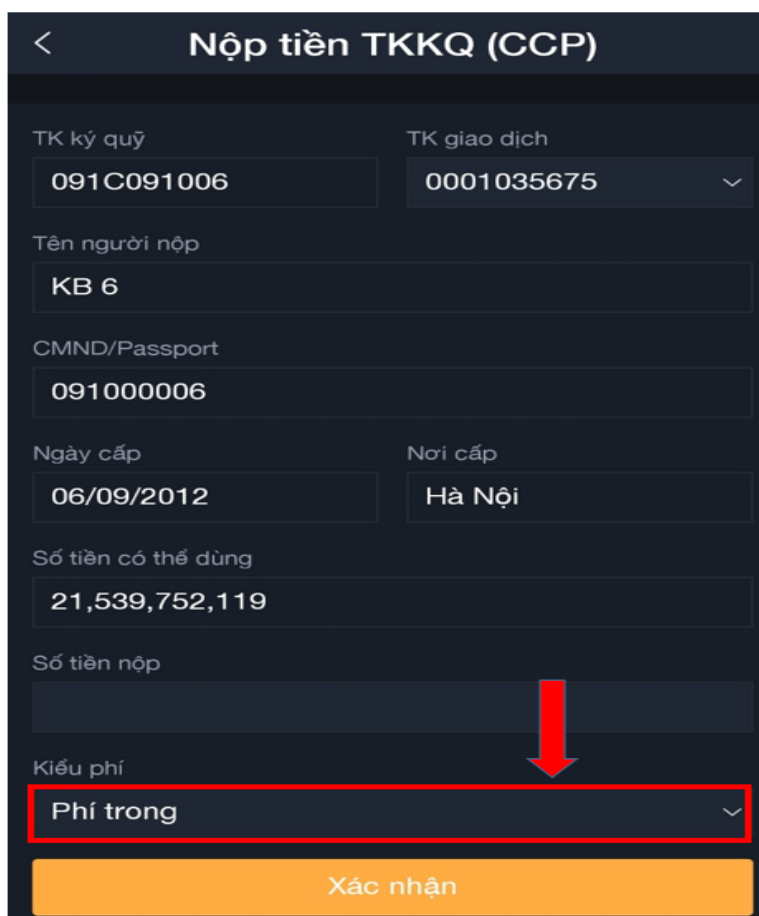
Phí trong

Xác nhận

Lưu ý: số tiền nộp phải nhỏ hơn hoặc bằng số tiền có thể dùng.

[>> Quay về đầu trang](#)

Bước 3. Chọn kiểu phí là : “ Phí trong ” hoặc “ Phí ngoài ”



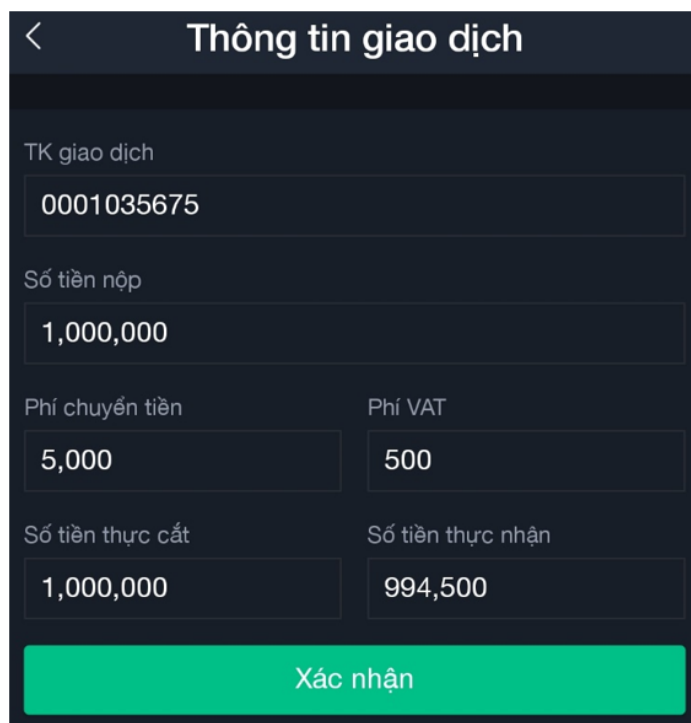
Phí trong: Số tiền thực nhận của khách hàng = Số tiền chuyển – Phí chuyển tiền – Thuế (nếu có).

Phí ngoài: Số tiền thực nhận của khách hàng = Số tiền chuyển (Phí chuyển tiền và thuế (nếu có) sẽ được tính bên ngoài số tiền nhận).

[>> Quay về đầu trang](#)

Bước 4:

Nhấn vào nút **Xác nhận** để thực hiện nộp tiền. => Hiện thị màn hình xác nhận thông tin nộp tiền.



Thông tin giao dịch	
TK giao dịch	0001035675
Số tiền nộp	1,000,000
Phí chuyển tiền	5,000
Phí VAT	500
Số tiền thực cất	1,000,000
Số tiền thực nhận	994,500
Xác nhận	

Bước 5.

Nhấn nút **Xác nhận** để thực hiện giao dịch nộp tiền => Hiện thị thông báo " Nộp tiền TTKQ thành công"

Nộp tiền TTKQ thành công

2.2.2.5. Rút tiền từ tài khoản ký quỹ (CCP)

Nhấn  **Rút tiền TTKQ**

Hiện thị màn hình rút tiền từ tài khoản ký quỹ:

[>> Quay về đầu trang](#)

< **Rút tiền TKKQ (CCP)**

TK ký quỹ

TK giao dịch

091C091006

0001035675 ▼

Tên người nộp

KB 6

CMND/Passport

091000006

Ngày cấp

Nơi cấp

06/09/2012

Hà Nội

Số tiền tối đa được rút

2,894,198,343

Số tiền rút

Kiểu phí

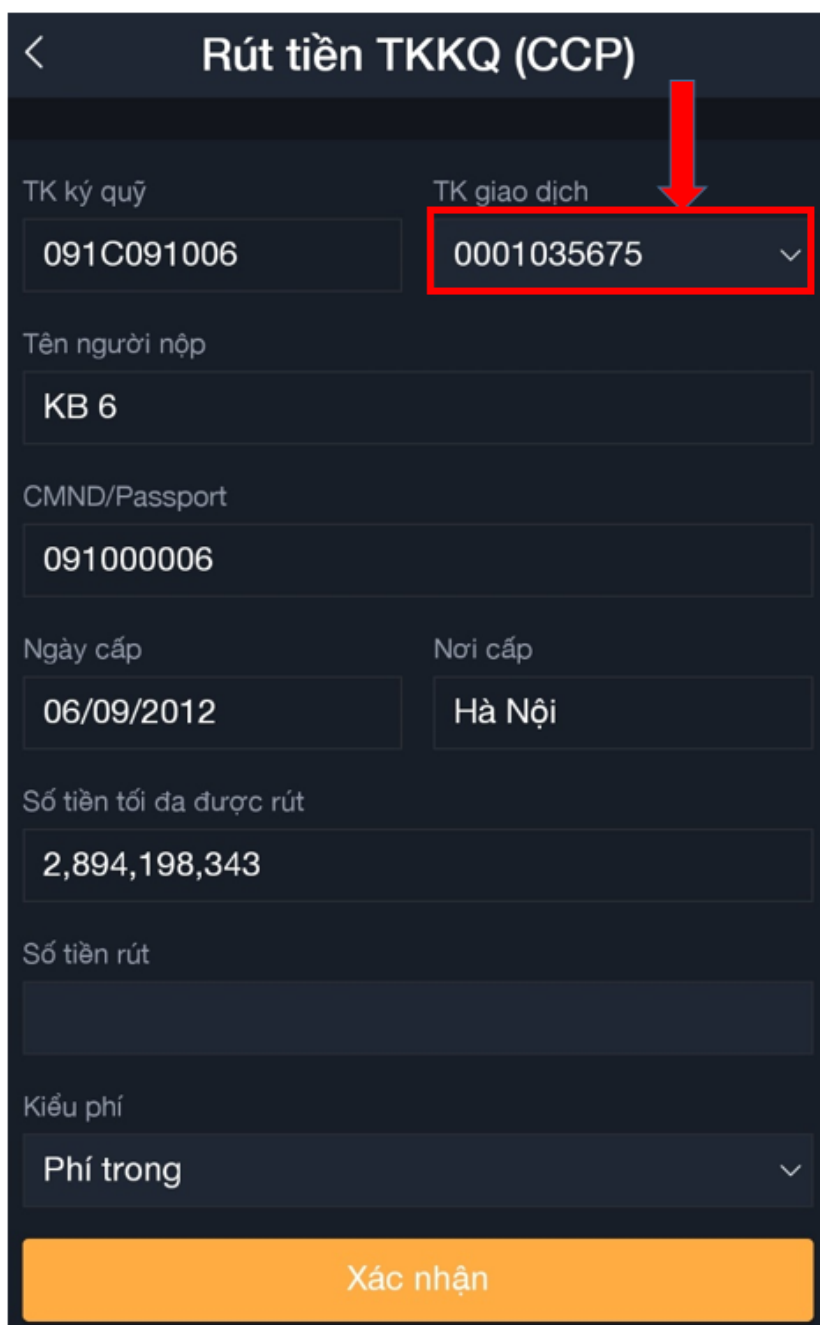
Phí trong ▼

Xác nhận

Mô tả: Khách hàng thực hiện rút tiền từ tài khoản ký quỹ do CCP quản lý về tài khoản giao dịch phái sinh do công ty chứng khoán quản lý.

[>> Quay về đầu trang](#)

Bước 1. Chọn TKGD cần nộp tiền từ combobox.



Rút tiền TKKQ (CCP)

TK ký quỹ: 091C091006

TK giao dịch: 0001035675

Tên người nộp: KB 6

CMND/Passport: 091000006

Ngày cấp: 06/09/2012

Nơi cấp: Hà Nội

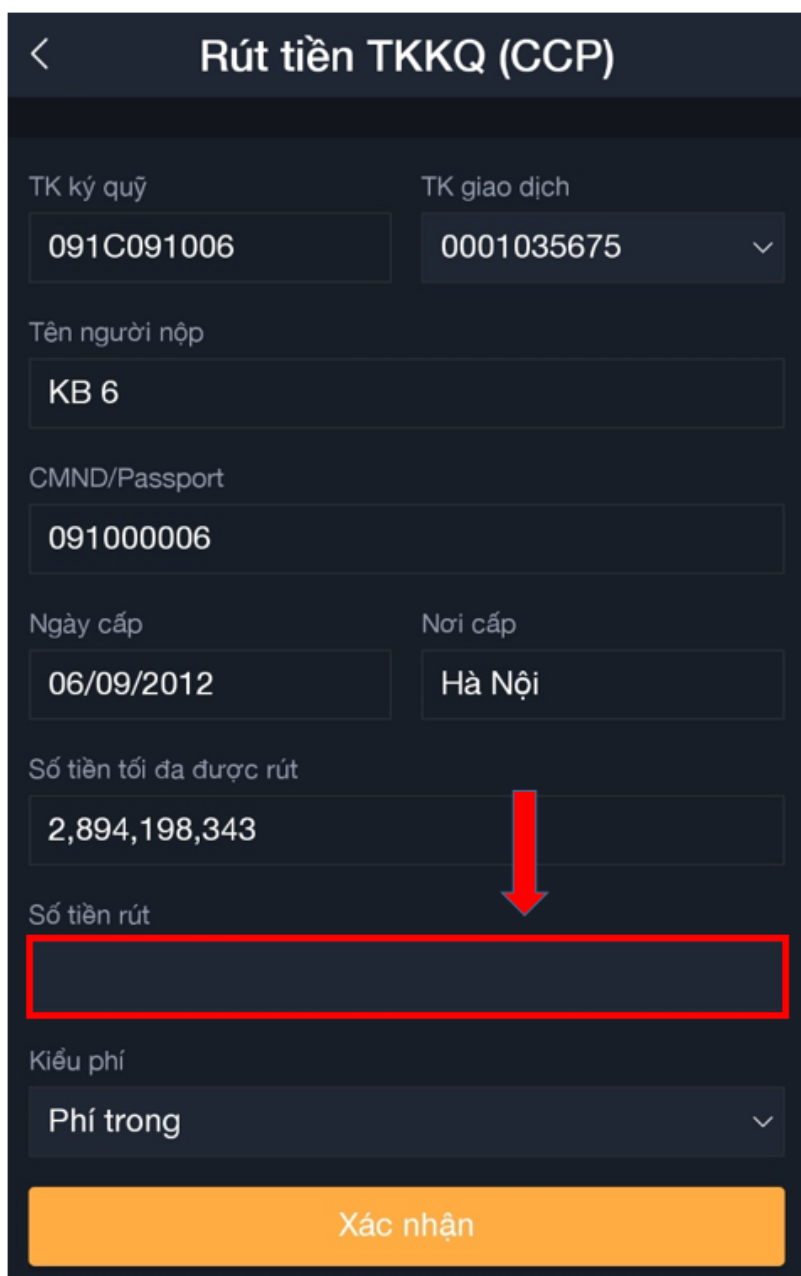
Số tiền tối đa được rút: 2,894,198,343

Số tiền rút:

Kiểu phí: Phí trong

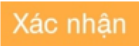
Xác nhận

[>> Quay về đầu trang](#)

Bước 2. Nhập số tiền rút

Lưu ý: Số tiền rút phải nhỏ hơn hoặc bằng số tiền tối đa được rút.

Bước 3.

Nhấn vào nút  để thực hiện rút tiền. => Hiện thị màn hình xác nhận thông tin rút tiền.

[>> Quay về đầu trang](#)

Thông tin giao dịch

TK giao dịch
0001035675

Số tiền rút
100,000

Phí chuyển tiền
5,000

Phí VAT
500

Số tiền thực cắt
100,000

Số tiền thực nhận
94,500

Xác nhận

Bước 4:

Nhấn nút **Xác nhận** để thực hiện giao dịch rút tiền => Hiện thị thông báo "Rút tiền TKKQ thành công"

Rút tiền TKKQ thành công

2.2.2.6. Lịch sử giao dịch TKKQ

Nhấn **Lịch sử giao dịch TKKQ**

Hiện thị màn hình lịch sử rút tiền từ tài khoản ký quỹ:

Lịch sử giao dịch	
Nộp tiền vào tài khoản ký quỹ (CCP) 16/07/2019 08:18:55 TK: 0001035675 Hoàn tất	+5,000,000
Nộp tiền vào tài khoản ký quỹ (CCP) 16/07/2019 09:01:12 TK: 0001035675 Hoàn tất	+5,000,000
Nộp tiền vào tài khoản ký quỹ (CCP) 17/07/2019 10:48:45 TK: 0001035675 Hoàn tất	+6,000,000
Nộp tiền vào tài khoản ký quỹ (CCP) 18/07/2019 11:02:09 TK: 0001035675 Hoàn tất	+296,407

[>> Quay về đầu trang](#)

2.2.3. Số dư

Tab số dư bao gồm các thông tin:

- Tài khoản.
- Vị thế mở.
- Vị thế đóng.

2.2.3.1. Tài khoản

Chọn tab Tài khoản. Hiển thị màn hình thông tin tài khoản:

16:40



Số dư

Tài khoản

Vị thế mở

Vị thế đóng

Giá trị tài sản hợp lệ

3,615,713,843

-Tiền tại CTCK:

21,543,818,364

-Tiền chờ ký quỹ:

11,290,907

-Tiền tại CCP:

3,504,692,093

-Tiền ký quỹ chờ rút:

1,000,000

-Chứng khoán ký quỹ:

111,021,750 

-Tỷ lệ tiền mặt trong tài sản KQ:

80%

Tổng nghĩa vụ ký quỹ duy trì

576,888,000

-Nghĩa vụ ký quỹ ban đầu:

576,888,000

-Lãi/Lỗ trong ngày:

155,620,000

-Nghĩa vụ ký quỹ chuyển giao:

0

Tỷ lệ thực tế TTKQ

15.96%

Sức mua cơ bản

2,315,683,074

Sức bán cơ bản

2,315,683,074

Tổng giá trị phí

4,066,245

-Phí vị thế cộng dồn:

0

-Phí vị thế đến hạn:

0

-Phí giao dịch trong ngày:

642,000

-Thuế TNCN:

1,733,911

Giao dịch

Thị trường

Số dư

Tiện ích

Tài khoản

[>> Quay về đầu trang](#)

Tên trường	Ý nghĩa
Tài khoản	
<i>Giá trị tài sản hợp lệ</i>	<i>Giá trị tài sản hợp lệ do CCP quản lý</i>
Tiền tại CTCK	Tiền do cty CK quản lý
Tiền chờ ký quỹ	Tiền chờ chuyển nộp ký quỹ lên CCP
Tiền tại CCP	Tiền ký quỹ do CCP quản lý
Tiền ký quỹ chờ rút	Tiền ký quỹ chờ rút từ CCP về công ty
Chứng khoán ký quỹ	Giá trị chứng khoán ký quỹ quy đổi
Tỷ lệ tiền mặt trong tài sản KQ	Tỷ lệ bằng tiền mặt trong tài sản hợp lệ
<i>Tổng nghĩa vụ ký quỹ duy trì</i>	<i>Bao gồm: nghĩa vụ ký quỹ ban đầu (IM) + Nghĩa vụ VM + Nghĩa vụ ký quỹ chuyển giao (DM)</i>
Nghĩa vụ ký quỹ ban đầu	Nghĩa vụ ký quỹ ban đầu khi TK có vị thế mở
Lãi/Lỗ trong ngày	Hiển thị Lãi/Lỗ trong ngày của TK
Nghĩa vụ ký quỹ chuyển giao	Hiển thị ký quỹ chuyển giao (khi có sản phẩm chuyển giao vật chất)
<i>Tỷ lệ thực tế TKKQ</i>	<i>Tỷ lệ thực tế của tài khoản</i>
<i>Sức mua cơ bản</i>	<i>Hiển thị sức mua cơ bản của TK</i>
<i>Sức bán cơ bản</i>	<i>Hiển thị sức bán cơ bản của TK</i>
<i>Tổng giá trị phí</i>	<i>Tổng giá</i>
Phí vị thế cộng dồn	Hiển thị giá trị phí vị thế cộng dồn
Phí vị thế đến hạn	Hiển thị giá trị phí vị thế đến hạn

Tên trường	Ý nghĩa
Phí giao dịch trong ngày	Hiển thị giá trị phí giao dịch trong ngày
Thuế TNCN	Hiển thị giá trị thuế TNCN
Tổng nợ	Tổng nợ gốc và nợ lãi
Nợ thấu chi	Hiển thị giá trị nợ gốc
Lãi thấu chi	Hiển thị giá trị nợ lãi

2.2.3.2. Vị thế mở

Chọn tab Vị thế mở. Hiển thị thông tin vị thế mở:

Tài khoản	Vị thế mở	Vị thế đóng
VN30F1907 Giá vốn: 985.13 VM: 106,903,162	Số lượng: -38 Giá thị trường: 957.00 IM: 472,758,000	
VN30F1908 Giá vốn: 896.10 VM: -5,490,000	Số lượng: 9 Giá thị trường: 890.00 IM: 104,130,000	

[>> Quay về đầu trang](#)

Vị thế mở	
Tên mã Giá vốn VM	Thông tin mã CKPS của TK
Số lượng Giá thị trường IM	Thông tin số dư vị thế
Mua/Bán	Hiển thị nút Mua khi TK đang có vị thế Long Hiển thị nút Bán khi TK đang có vị thế Short

2.2.3.3. Vị thế đóng

Chọn tab Vị thế đóng. Hiển thị thông tin vị thế đóng:

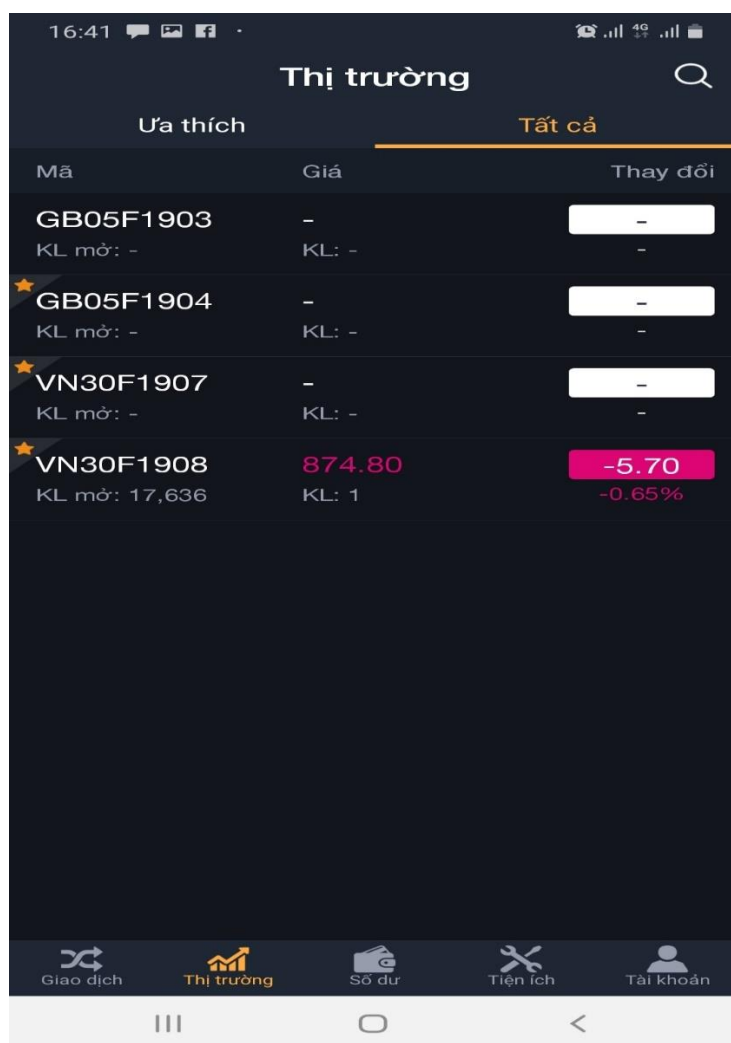
Số dư		
Tài khoản	Vị thế mở	Vị thế đóng
VN30F1907 Số lượng: 1	Giá Long: 990.10 Giá Short: 977.20	VM: -1,290,000
VN30F1907 Số lượng: 1	Giá Long: 990.10 Giá Short: 977.20	VM: -1,290,000
VN30F1907 Số lượng: 1	Giá Long: 990.10 Giá Short: 977.20	VM: -1,290,000
VN30F1907 Số lượng: 1	Giá Long: 980.00 Giá Short: 996.20	VM: 1,620,000
VN30F1907 Số lượng: 1	Giá Long: 980.00 Giá Short: 995.53	VM: 1,552,500

[>> Quay về đầu trang](#)

Vị thế đóng	
Tên mã Số lượng	Thông tin mã và số lượng đóng
Giá Long Giá Short	Giá Long, Short đóng vị thế
VM	Lãi/Lỗ đóng vị thế

2.2.4. Thị trường

2.2.4.1. Thông tin danh sách các mã chứng khoán đang giao dịch



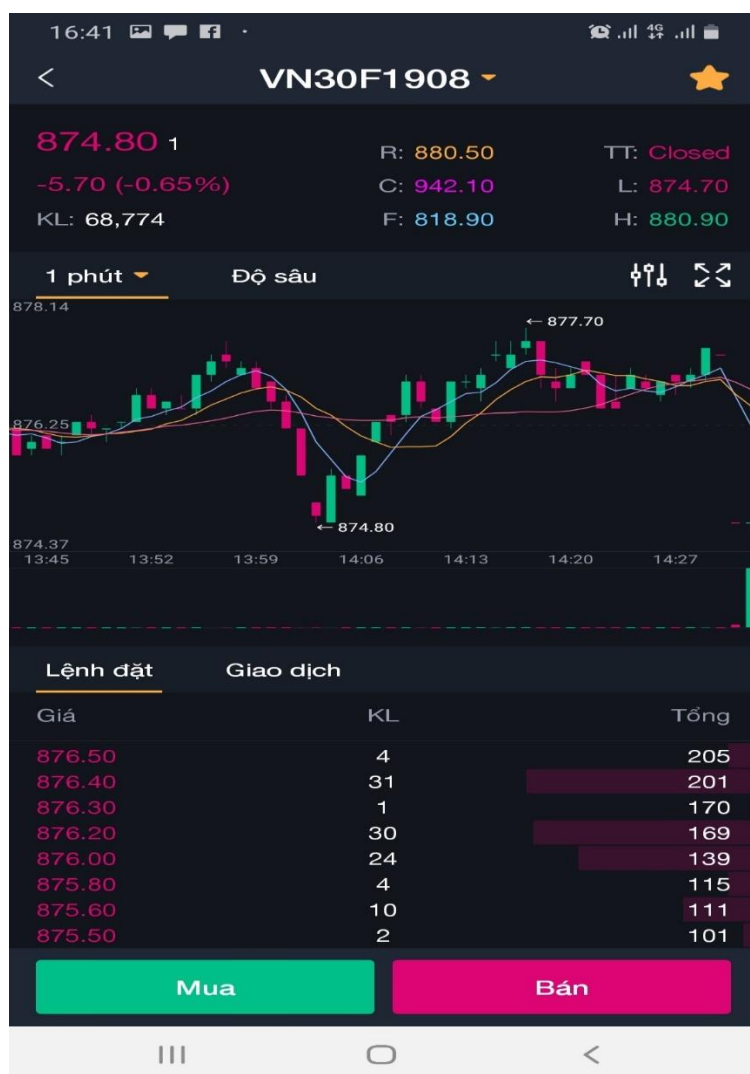
Thị trường		
Ưu thích		Tất cả
Mã	Giá	Thay đổi
GB05F1903 KL mở: -	- KL: -	- -
★ GB05F1904 KL mở: -	- KL: -	- -
★ VN30F1907 KL mở: -	- KL: -	- -
★ VN30F1908 KL mở: 17,636	874.80 KL: 1	-5.70 -0.65%

[>> Quay về đầu trang](#)

Hiển thị thông tin các mã HĐTL

Tên trường	Ý nghĩa
Mã CK KL mở	Mã hợp đồng tương lai KL mở trên toàn thị trường của mã đến thời điểm hiện tại
Giá khớp hiện tại KL khớp hiện tại	Giá khớp gần nhất KL khớp gần nhất
Thay đổi	Điểm thay đổi % thay đổi

Chọn 1 mã bất kì để xem thông tin mã:



[>> Quay về đầu trang](#)

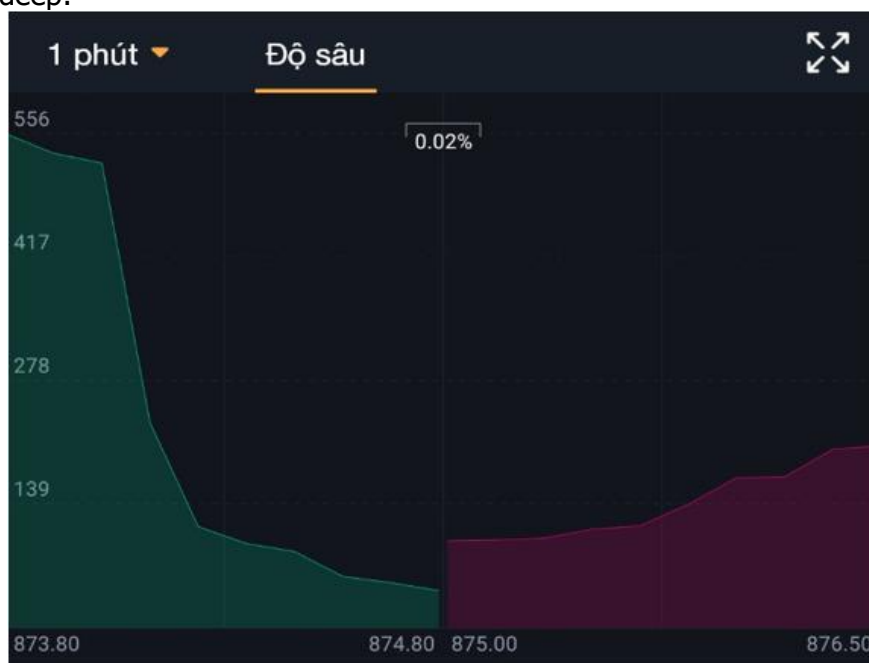
- Thông tin về mã chứng khoán: giá và khối lượng khớp gần nhất, thay đổi (% thay đổi), giá tham chiếu/trần/sàn, trạng thái phiên, giá khớp cao nhất, giá khớp thấp nhất:

874.80 1	R: 880.50	TT: Closed
-5.70 (-0.65%)	C: 942.10	L: 874.70
KL: 68,774	F: 818.90	H: 880.90

- Đồ thị kỹ thuật:



- Đồ thị deep:



[>> Quay về đầu trang](#)

- Lệnh đặt: 10 giá mua/bán tốt nhất

Lệnh đặt	Giao dịch		
Giá	KL		Tổng
876.50	4		205
876.40	31		201
876.30	1		170
876.20	30		169
876.00	24		139
875.80	4		115
875.60	10		111
875.50	2		101

- Giao dịch: lịch sử khớp lệnh

Lệnh đặt	Giao dịch		
Giá	KL		Thời gian
874.80	4,107		14:45:06
877.30	4		14:30:08
877.30	107		14:30:03
877.40	29		14:29:59
877.10	72		14:29:54
877.10	129		14:29:50
877.10	164		14:29:46
877.00	72		14:29:40

- Mua/Bán



Chọn mua/bán để đi đến màn hình Giao dịch

Tìm kiếm mã:

Kết quả tìm kiếm:

GB05F1903	-	-	☆
GB05F1904	-	-	★
VN30F1907	-	-	★
VN30F1908	874.80	-5.70	★

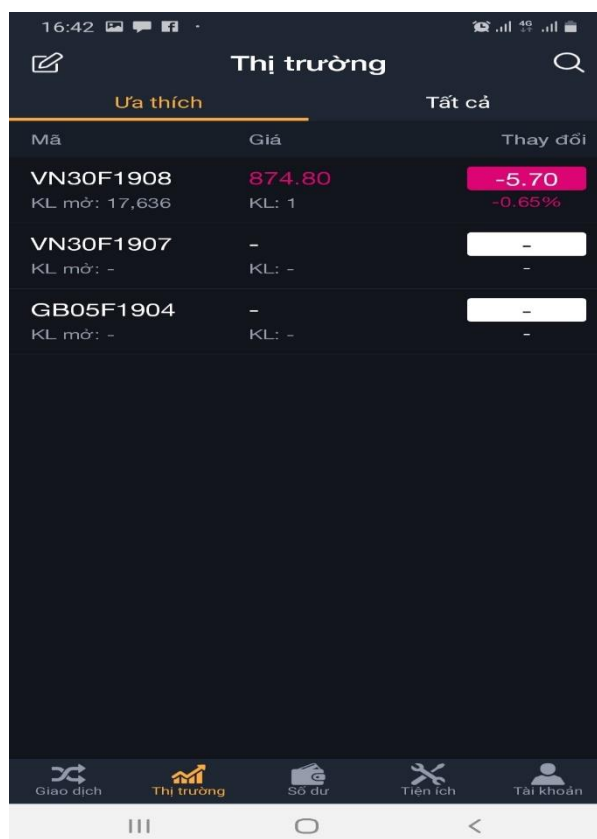
[>> Quay về đầu trang](#)

Tab yêu thích

Chọn vào icon  để hiển thị thông tin các mã CK yêu thích:



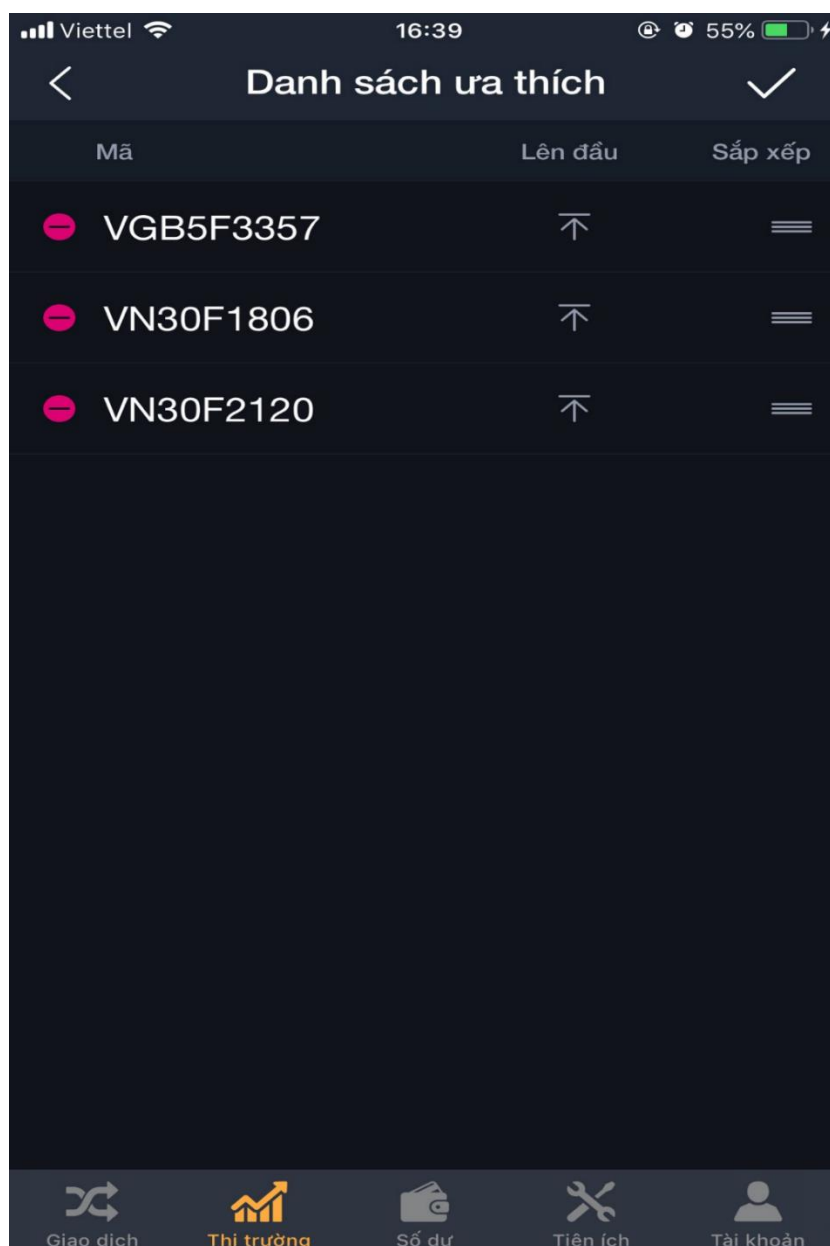
Thông tin chi tiết mã hợp đồng tương lai mặc định.

2.2.4.2. Danh mục chứng khoán yêu thích**Thông tin mã HĐTL**

[>> Quay về đầu trang](#)

Sắp xếp danh mục chứng khoán yêu thích.

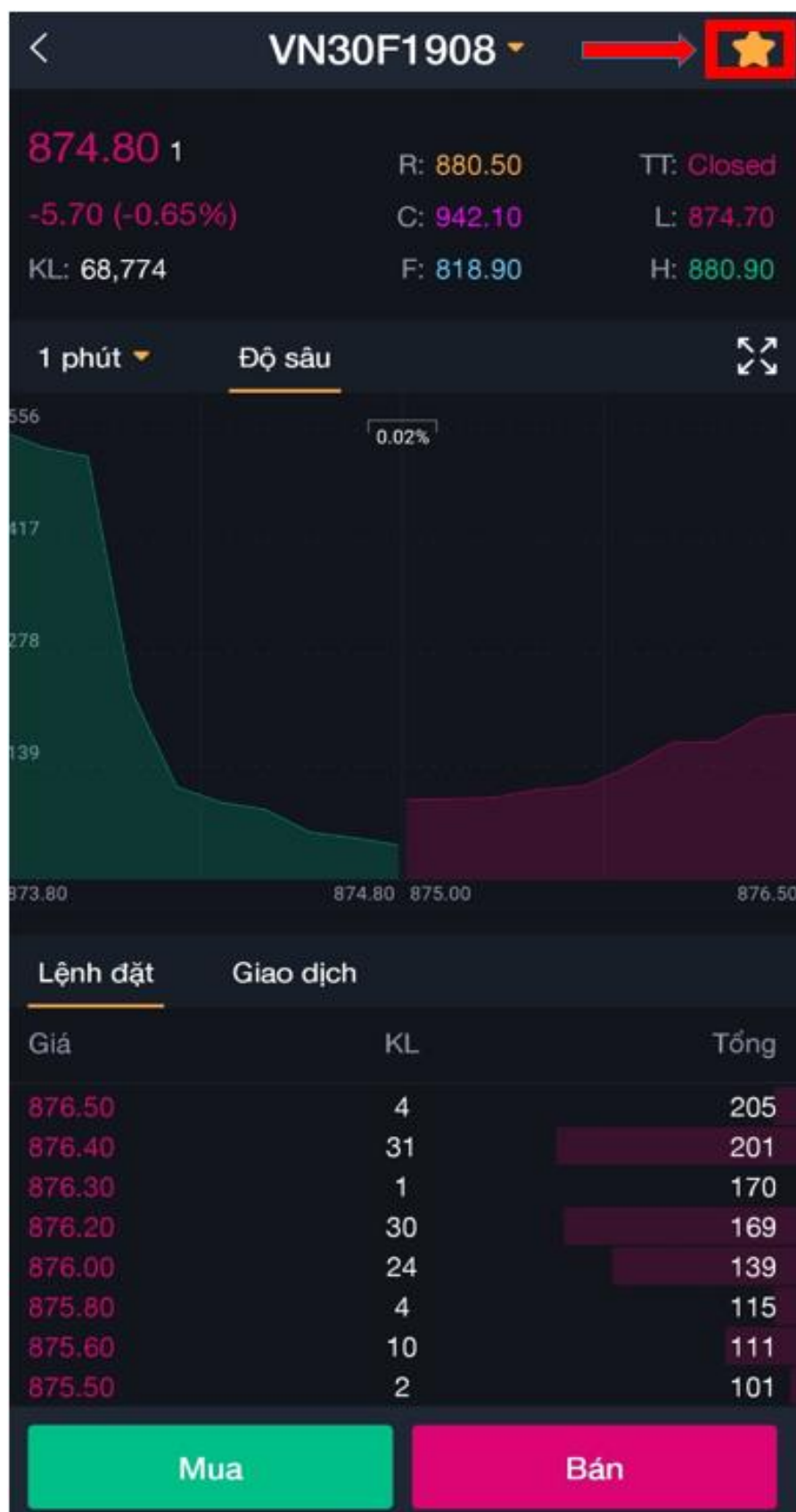
Chọn vào Icon  để sắp xếp mã chứng khoán yêu thích:



Bỏ chọn mã chứng khoán yêu thích:

Chọn icon  để bỏ chọn mã chứng khoán yêu thích:

[>> Quay về đầu trang](#)



[>> Quay về đầu trang](#)

2.2.5. Giao dịch

Giao diện của màn hình đặt lệnh:

Vùng đặt lệnh: lệnh giới hạn, lệnh thị trường, lệnh điều kiện

10 giá chờ Mua/chờ Bán tốt nhất

Đồ thị deep



[>> Quay về đầu trang](#)

Chọn mã chứng khoán giao dịch:

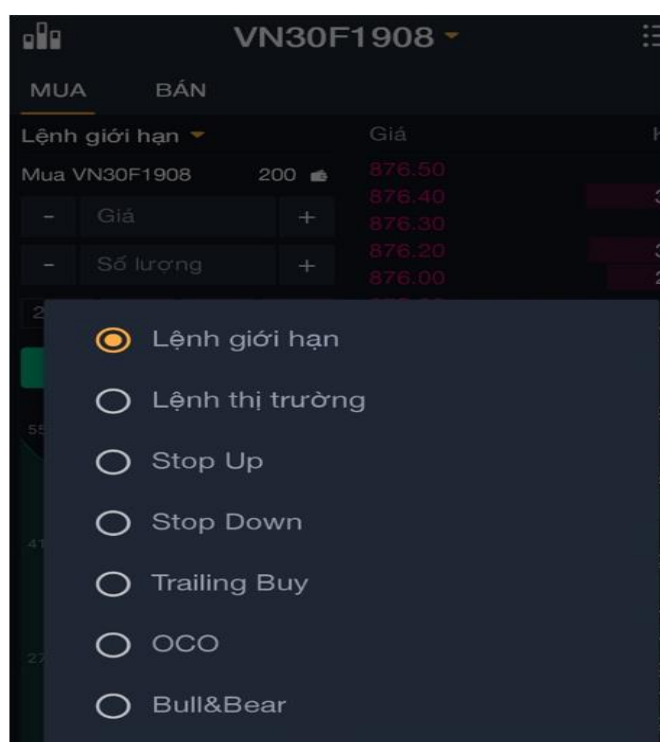


Chọn để hiển thị mã chứng khoán đang giao dịch

Màn hình chọn mã:

Chọn mã		
Mã	Giá	Thay đổi
GB05F1903	-	-
GB05F1904	-	-
VN30F1907	-	-
VN30F1908	874.80	-5.70

Chọn để hiển thị loại lệnh muốn sử dụng



[>> Quay về đầu trang](#)

2.2.5.1. Đặt lệnh giới hạn

Màn hình đặt lệnh giới hạn:

MUA BẮN

Lệnh giới hạn ▾

Mua VN30F1908 200 📄

- Giá +

- Số lượng +

25% 50% 75% 100%

MUA

2.2.5.2. Đặt lệnh thị trường

Chọn loại lệnh thị trường:

MUA BẮN

Lệnh thị trường ▾

Mua VN30F1908 200 📄

ATC ▾

- Số lượng +

25% 50% 75% 100%

ATO

ATC

MAK

MOK

MTL

Giá

876.50

876.40

876.30

876.20

876.00

875.80

875.60

875.50

[>> Quay về đầu trang](#)

Màn hình đặt lệnh thị trường:

MUA

BÁN

Lệnh thị trường ▾

Mua VN30F1908200 📄

ATC ▾

-

Số lượng

+

25%

50%

75%

100%

MUA

2.2.5.3. Đặt lệnh điều kiện

Lệnh Stop up:

MUA

BÁN

Stop Up ▾

Mua VN30F1908200 📄

-

Giá limit

+

-

Giá stop

+

-

Số lượng

+

25%

50%

75%

100%

MUA

[>> Quay về đầu trang](#)

Lệnh Stop Up

Giá stop	Khi mức giá hiện tại (giá khớp gần nhất) chạm đến hoặc vượt ngưỡng mức giá stop, lệnh sẽ được kích hoạt Giá stop phải thỏa mãn giá trần, sàn và lớn hơn giá thị trường tại thời điểm đặt lệnh
Giá limit	Giá khi lệnh được kích hoạt vào hệ thống, thỏa mãn giá trần, sàn
Số lượng	Số lượng lệnh đặt

Lệnh Stop Down:

MUA

BÁN

Stop Down ▼

Mua VN30F1908

200 

-

Giá limit

+

-

Giá stop

+

-

Số lượng

+

25%

50%

75%

100%

MUA

[>> Quay về đầu trang](#)

Lệnh Stop Down

Giá stop	Khi mức giá hiện tại (giá khớp gần nhất) chạm đến hoặc nhỏ hơn ngưỡng mức giá stop, lệnh sẽ được kích hoạt Giá stop phải thỏa mãn giá trần, sàn và nhỏ hơn giá thị trường tại thời điểm đặt lệnh
Giá limit	Giá khi lệnh được kích hoạt vào hệ thống, thỏa mãn giá trần, sàn
Số lượng	Số lượng lệnh đặt

Lệnh Trailing Buy:

MUA

BÁN

Trailing Buy ▼

Mua VN30F1908

200 

-

Biên độ

+

-

Bước giá

+

-

Số lượng

+

25%

50%

75%

100%

MUA

[>> Quay về đầu trang](#)

Lệnh Trailing Buy

Biên độ	Biên độ giá kích hoạt điều chỉnh. Tại thời điểm giá thị trường $\leq$ giá kích hoạt thì đẩy 1 lệnh LO với giá đặt = giá thị trường + mức giá điều chỉnh "Limit offset" vào hệ thống Biên độ giá kích hoạt phải (Trailing Amount) > 0, bước giá điều chỉnh phải chặn bước giá của hệ thống
Bước giá	Giá chênh lệch giữa giá đặt lệnh so với giá thị trường tại thời điểm lệnh kích hoạt. Mức giá chênh lệch ≥ 0 và chặn theo bước giá quy định của hệ thống.
Số lượng	Số lượng lệnh đặt

Lệnh Trailing Sell:

MUA

BÁN

Trailing Sell ▼

Bán VN30F1908

218

-

Biên độ

+

-

Bước giá

+

-

Số lượng

+

25%

50%

75%

100%

BÁN

[>> Quay về đầu trang](#)

Lệnh Trailing Sell

Biên độ	Biên độ giá kích hoạt điều chỉnh. Tại thời điểm giá thị trường $\leq$ giá kích hoạt thì đẩy 1 lệnh LO với giá đặt = giá thị trường - mức giá điều chỉnh "Limit offset" vào hệ thống Biên độ giá kích hoạt phải (Trailing Amount) > 0, bước giá điều chỉnh phải chặn bước giá của hệ thống
Bước giá	Giá chênh lệch giữa giá đặt lệnh so với giá thị trường tại thời điểm lệnh kích hoạt. Mức giá chênh lệch ≥ 0 và chặn theo bước giá quy định của hệ thống.
Số lượng	Số lượng lệnh đặt

- Lệnh OCO:



[>> Quay về đầu trang](#)

Lệnh OCO	
Giá chốt lời	Giá đặt của lệnh giới hạn, thỏa mãn giá trần, sàn
Giá stop	Giá kích hoạt của lệnh dừng, thỏa mã giá trần, sàn và check theo rule của lệnh Stop Up, Stop Down
Giá cắt lỗ	Giá đặt của lệnh dừng khi lệnh được kích hoạt, thỏa mãn giá trần, sàn
Số lượng	Số lượng lệnh đặt

Lệnh Bull & Bear:

MUA

BÁN

Bull&Bear ▼

Mua VN30F1908 200 

Lệnh mở khớp hết ▼

-

Giá limit

+

-

Giá chốt lời

+

-

Giá stop

+

-

Giá cắt lỗ

+

-

Số lượng

+

25%

50%

75%

100%

MUA

[>> Quay về đầu trang](#)

Lệnh Bull&Bear	
Giá limit	Giá đặt lệnh của lệnh giới hạn Buy/Sell (lệnh mở vị thế), thỏa mãn giá trần, sàn
Giá chốt lời	Giá chốt lời kỳ vọng của nhà đầu tư khi mở mới vị thế thành công, thỏa mãn giá trần, sàn
Giá stop	Mức dừng lỗ mà nhà đầu tư thiết lập cho lệnh dừng khi mở mới vị thế thành công, thỏa mãn giá trần, sàn
Giá cắt lỗ	Giá đặt cho lệnh dừng khi lệnh dừng được kích hoạt, thỏa mãn giá trần, sàn
Số lượng	Số lượng lệnh đặt

2.2.5.4. Xem thông tin mã chứng khoán

< Chọn mã			
Mã	Giá	Thay đổi	
GB05F1903	-	-	
GB05F1904	-	-	
VN30F1907	-	-	
VN30F1908	874.80	-5.70	✓

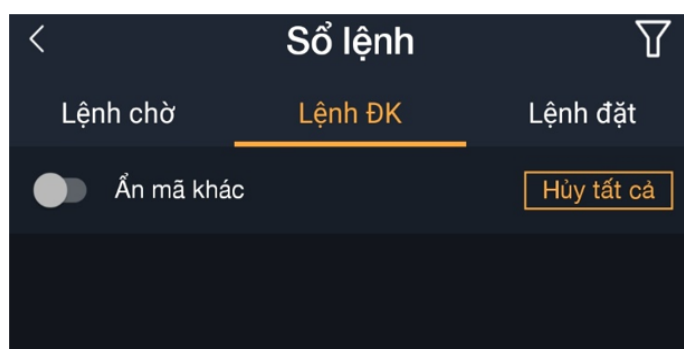
2.2.5.5. Xem sổ lệnh

- Lệnh chờ:

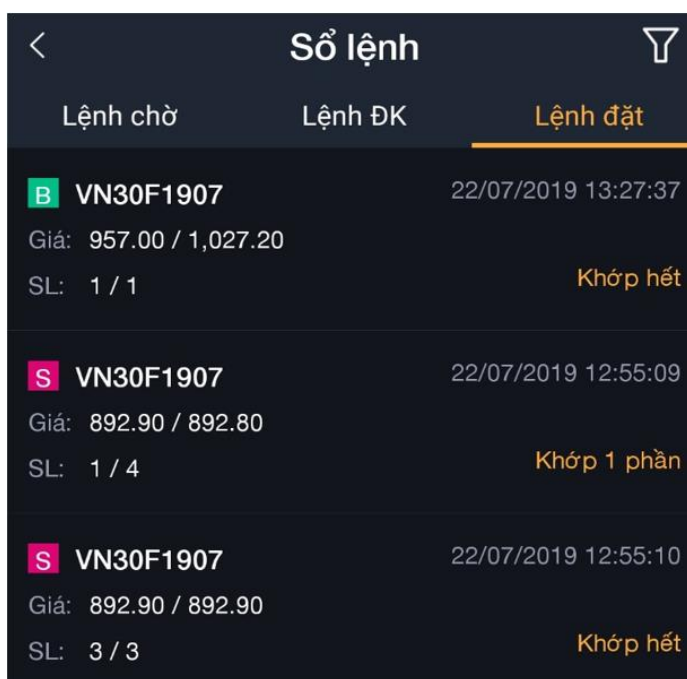
< Sổ lệnh			
Lệnh chờ		Lệnh ĐK	Lệnh đặt
☐ Ẩn mã khác			Hủy tất cả
Mua LO	VN30F1907	22/07/2019 11:02:59	
0%	Giá: - / 892.90		
	SL: 0 / 2		
Mua LO	VN30F1907	22/07/2019 11:02:54	
0%	Giá: - / 892.90		
	SL: 0 / 2		
Mua LO	VN30F1907	22/07/2019 11:02:51	
0%	Giá: - / 892.90		
	SL: 0 / 2		

[>> Quay về đầu trang](#)

Lệnh điều kiện



Lệnh đặt



	Lệnh chờ	Lệnh ĐK	Lệnh đặt
B VN30F1907			22/07/2019 13:27:37
Giá: 957.00 / 1,027.20			
SL: 1 / 1			Khớp hết
S VN30F1907			22/07/2019 12:55:09
Giá: 892.90 / 892.80			
SL: 1 / 4			Khớp 1 phần
S VN30F1907			22/07/2019 12:55:10
Giá: 892.90 / 892.90			
SL: 3 / 3			Khớp hết

[>> Quay về đầu trang](#)